

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26/8/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn, ông Dương Minh Thiết.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 26/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2020 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Như T, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Hoàng Như T trình bày: Ông và bà Phạm Thị B kết hôn với nhau vào năm 1976, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Nhưng do quá lâu nên không lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn; UBND xã X hiện nay cũng không lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn vào năm 1976 nên ông không cung cấp cho Tòa án được. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống, làm ăn cùng nhau tại thôn G, X. Sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi, xúc phạm nhau do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy ông và bà B vẫn sống chung cùng một nhà nhưng kể từ năm 1997 đến nay thì mọi sinh hoạt trong cuộc sống đều đã riêng rẽ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà B.

Về con chung: vợ chồng ông có 04 con chung là Hoàng Như Thắng, sinh năm

1976; Hoàng Như Tuấn, sinh năm 1979; Hoàng Thị Anh, sinh năm 1982 và Hoàng Thị Hòa, sinh năm 1985. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/7/2020 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là bà Phạm Thị B trình bày: Bà xác nhận thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn như ông T trình bày là đúng. Về quá trình chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng thì bà có trình bày: Khoảng năm 1995 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T sống không chung thủy với vợ con, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T không nghe mà còn cố tình công khai mối quan hệ bất chính đó nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng và thường xuyên hơn. Đến năm 1997 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, nếu bà và ông T ly hôn thì bà thấy rất xấu hổ với con cháu, làng xóm. Hơn nữa, nếu ly hôn thì ông T càng có điều kiện để công khai mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, đồng thời không coi bà và các con ra gì. Vì vậy bà không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà xác nhận việc ông T trình bày về con chung là đúng. Do các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Theo biên bản xác minh về việc đăng ký kết hôn của ông T, bà B thấy: Ông T và bà B có chung sống cùng nhau từ năm 1976 ở thôn G, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Qua kiểm tra hồ sơ hộ tịch lưu trữ tại UBND xã X thì không có tên ông T, bà B. Đối với sổ đăng ký kết hôn năm 1976 thì hiện nay UBND không còn lưu trữ được nên không xác định được việc ông T, bà B có đăng ký kết hôn vào năm 1976 hay không. Tuy nhiên, ông T, bà B có chung sống cùng nhau từ năm 1976 là đúng.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi cư trú của ông T, bà B thấy: Ông T, bà B có tổ chức lễ kết hôn theo phong tục địa phương và chung sống cùng nhau tại thôn G, xã X từ năm 1976. Khoảng năm 1995 thì vợ chồng ông T, bà B thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, quan điểm trong làm ăn kinh tế gia đình. Ông T, bà B đã sống ly thân nhau, cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng kể từ năm 1997 cho đến nay.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là ông Hoàng Như T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà Phạm Thị B; không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung; tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản.

Bị đơn là bà Phạm Thị B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Như T được ly hôn bà Phạm Thị B.

Về con chung; tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T, bà B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Hoàng Như T thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của ông Hoàng Như T cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Như T và bà Phạm Thị B có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và về chung sống cùng nhau tại thôn G, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang kể từ năm 1976. Ông T, bà B đều trình bày khi kết hôn thì có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã X nhưng do đã lâu nên không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Qua xác minh tại địa phương thì không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn năm 1976 và kiểm tra các sổ đăng ký kết hôn đang lưu trữ thì không có tên ông T, bà B. Nhưng địa phương có xác nhận việc ông T, bà B chung sống cùng nhau từ năm 1976 là đúng. Tuy không xác định được ông T, bà B có đăng ký kết hôn vào năm 1976 nhưng giữa ông T, bà B đã chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987. Do đó theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-

QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà B là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của ông T, bà B phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương đều xác định vợ chồng ông T, bà B có xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng to tiếng, cãi chửi nhau, xúc phạm nhau và đã có khoảng thời gian dài sống ly thân từ năm 1997 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông T và ý kiến của bà B không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ năm 1995, không thể hàn gắn được và ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 1997 đến nay, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà B.

[4] Về con chung: vợ chồng ông T, bà B có 04 con chung là Hoàng Như Thắng, sinh năm 1976; Hoàng Như Tuấn, sinh năm 1979; Hoàng Thị Anh, sinh năm 1982 và Hoàng Thị Hòa, sinh năm 1985. Do các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông T, bà B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T, bà B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Hoàng Như T thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Như T được ly hôn bà Phạm Thị B.
2. Về con chung; tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T, bà B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông Hoàng Như T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Hoàng Như T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002356 ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang